

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C T
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **14/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 10-01-2018

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C T, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Đức Duy

2/ Ông Lê Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Hoàng Huy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C T, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C T, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Hoàng Lan Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C T, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 655/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 188/2017/QĐXX-ST ngày 13 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm: 1984

Địa chỉ: ấp V Q, xã V K, huyện C T, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* **Nguyễn Văn H**, sinh năm: 1977

Địa chỉ: ấp V Q, xã V K, huyện C T, tỉnh Tiền Giang.

(Chị Đ và anh H có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/7/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn H tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2009. Anh chị có đăng ký kết hôn

tại Ủy ban nhân dân xã V K, huyện C T, tỉnh Tiền Giang vào ngày 23/3/2009. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm về vấn đề tài chính, anh H thường xuyên đi sớm về muộn không lo cho vợ con, đam mê cờ bạc và đánh đề, chị Đ đã khuyên can nhiều lần nhưng anh H không sửa đổi. Tháng 01/2016 chị Đ có nộp đơn xin ly hôn nhưng sau đó xin rút lại yêu cầu để vợ chồng đoàn tụ, tuy nhiên về chung sống vợ chồng vẫn không hàn gắn được tình cảm. Chị và anh H đã ly thân từ tháng 3/2017 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Đ yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có một con chung tên Nguyễn Ngọc Hải V, sinh ngày 18/9/2009. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 5.000.000đồng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Trong các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Nguyễn Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất theo lời trình bày của chị Đ về thời gian, điều kiện kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh làm ăn thất bại, không có tiền nên chị Đ muốn ly hôn với anh. Trong thời gian vợ chồng mâu thuẫn chị Đ thường xuyên đi chơi, nhậu nhẹt với bạn khác giới, anh không đồng ý và có khuyên can nhiều lần nhưng chị Đ không thay đổi. Vợ chồng hiện đã ly thân từ tháng 4/2017 cho đến nay. Nay chị Đ yêu cầu ly hôn anh không đồng ý vì còn thương vợ con.

Về con chung: Anh và chị Đ có một con chung tên Nguyễn Ngọc Hải V, sinh ngày 18/9/2009. Nếu Tòa cho ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị Đ nuôi, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000đồng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa chị Đ giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, yêu cầu về con chung, tài sản chung và nợ chung, chị Đ thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện

về mức cấp dưỡng nuôi con, cụ thể chị Đ yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000đồng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đ, giao con chung tên Nguyễn Ngọc Hải V, sinh ngày 18/9/2009 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chị Đ và anh H thỏa thuận mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] – Về nội dung yêu cầu: Chị Nguyễn Thị Đ yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn H. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Đ, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.1] Chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Văn H xác lập hôn nhân vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là tuân thủ đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

[1.2] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Đ, Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình chung sống chị Đ và anh H đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh chị là do bất đồng quan điểm về tính cách và về vấn đề tài chính, anh H không quan tâm chăm sóc vợ con, đam mê cờ bạc, chị Đ đã khuyên can nhiều lần nhưng anh H vẫn không thay đổi và anh chị đã ly thân từ tháng 3/2017 cho đến nay. Anh H không đồng ý ly hôn với chị Đ nhưng anh không đưa ra được giải pháp để vợ chồng đoàn tụ, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh H cũng thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn về vấn đề tài chính và về quan điểm sống, cụ thể vào năm 2016 chị Đ đã có nộ đơn xin ly hôn tại Tòa án, tuy nhiên chị Đ đã rút yêu cầu để tạo điều kiện cho vợ chồng hàn gắn nhưng không thành. Từ đó Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh H đã

thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị Đ là có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[1.3] Về con chung: Chị Đ và anh H khai thống nhất có một con chung tên Nguyễn Ngọc Hải V, sinh ngày 18/9/2009. Chị Đ yêu cầu được nuôi con, trong các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh H cũng đồng ý giao con chung cho chị Đ nuôi dưỡng và nguyện vọng của cháu Vy là muốn sống cùng mẹ. Do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu Vy, Hội đồng xét xử cần giao cháu Vy cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

[1.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa chị Đ và anh H đã thỏa thuận được với nhau về mức và phương thức cấp dưỡng là anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000đồng, xét sự thỏa thuận của chị Đ và anh H là phù hợp, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.5] Về tài sản chung: Chị Đ và anh H khai thống nhất không yêu cầu giải quyết và nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C T tại phiên tòa phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Đ phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh H phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Đ.

- Chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Hải V, sinh ngày 18/9/2009 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000đồng, bắt đầu thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Vy đủ 18 tuổi.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2/ Về án phí: Chị Đ phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị Đ đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng áp phí theo biên lai thu số 26544 ngày 06/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C T, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã nộp xong án phí.

Anh H phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện C T;
- Chi cục THADS huyện C T;
- UBND xã V K;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Chinh